

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲ HỢP
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **40/2022/HS-ST**

Ngày: 23/6/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲ HỢP - TỈNH NGHỆ AN**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Văn Đông.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Đặng Thế Quế.

2/ Bà Nguyễn Lê Vinh Hương.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Phan Văn Vận – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Hồng Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 41/2022/TLST – HS ngày 27 tháng 5 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2022/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 6 năm 2022 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trương Văn V**, tên gọi khác: Không.

Sinh năm: 1991 tại huyện Q, tỉnh Nghệ An; Trú tại: Xóm Đ, xã V, huyện Q, tỉnh Nghệ An; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: Lớp 9/12; Dân tộc: Thổ; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Trương Văn T và bà: Trương Thị S; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Không; Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/02/2022 đến nay. (Có mặt)

- Bị hại: Anh **Đặng Thanh T**, sinh năm: 1978.

Trú tại: Xóm X, xã H, huyện Q, tỉnh Nghệ An. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22 giờ ngày 27/9/2012 sau khi ăn uống tại nhà ông Trương Văn P ở xóm X, xã H, huyện Q, tỉnh Nghệ An. Các đối tượng Trương Hồng T1, sinh năm 1993; Bùi Văn P, sinh năm 1994, đều trú tại xóm X, xã H, huyện Q, tỉnh Nghệ An; Trương Văn D, sinh năm 1993, trú tại xóm K, xã N, huyện Q, tỉnh Nghệ An; Trương Văn V, sinh năm 1991, Trương Văn S, sinh năm 1993, Trương Văn N, sinh năm 1995 đều trú tại xóm Đ, xã V, huyện Q, tỉnh Nghệ An, cả 06 người cùng rủ nhau đến nhà anh Đặng Thanh T, sinh năm 1978, trú tại xóm X, xã H, huyện Q, với mục đích để bắt trộm gà của nhà anh T. Khi đến nơi do chó sủa làm anh T tỉnh giấc, thấy anh T đi ra chuồng gà kiểm tra thì Trương Hồng T1, Bùi Văn P, Trương

Văn D, Trương Văn V, Trương Văn S và Trương Văn N đã sử dụng đất, đá, gậy gộc ném vào người anh T, thấy vậy anh T lùi vào trong nhà. Sau đó D vào chuồng gà để bắt gà thì bị anh T phát hiện và dùng dao chém 02 nhát vào lưng (không gây ra thương tích gì), D chạy ra ngoài và hô lên “tao bị chém rồi” thì T1, P, V, S và N tiếp tục dùng đất, đá ném về phía anh T, tiếp đó T1 dùng dao chặt cành cây Ngải đưa cho P, D, S, V và N dùng để xông vào tấn công anh T, thấy vậy anh T và gia đình đã bỏ chạy ra khỏi nhà. Sau khi gia đình anh T chạy khỏi nhà thì các đối tượng vào nhà lấy đi 01 (một) chiếc cày, 01 (một) chiếc bình phun thuốc và 12 (mười hai) con gà. Trên đường về nhà do sợ bị phát hiện nên các đối tượng đã để lại chiếc cày và bình phun thuốc bên vệ đường, còn 12 con gà đưa về nhà T1 cất giấu. Sáng ngày 28/9/2012 các đối tượng chia số gà làm hai phần, cụ thể T1, D và P được chia 04 con gà đã chết, 02 con còn sống, các đối tượng đã làm thịt ăn, còn V, S và N được chia 04 con gà đã chết và 02 con còn sống, cả ba làm thịt 04 con gà đã chết để ăn, 02 con gà còn sống N đưa về nhà nuôi nhưng sau đó bị mất.

Sau khi nhận được đơn tố giác của anh T, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Q đã tiến hành khởi tố vụ án, khởi tố bị can với cả 06 đối tượng về tội “Cướp tài sản” theo khoản 1 Điều 133 BLHS 1999. Khi vụ việc bị phát hiện Bùi Văn P và Trương Văn V đã bỏ trốn và bị truy nã, Trương Hồng T1, Trương Văn D, Trương Văn S và Trương Văn N đã bị đưa ra xét xử tại Bản án số 68/2015/HSST ngày 28/10/2015 của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Hợp; Bùi Văn P sau khi ra đầu thú đã bị xét xử tại Bản án số 24/2016/HSST ngày 19/4/2016 của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Hợp.

Tại biên bản định giá tài sản và kết luận định giá số 20/KL-HĐĐG này 23/4/2015 của Hội đồng định giá tài sản UBND huyện Quỳnh Hợp xác định 01 (một) chiếc cày có thân và lưỡi cày bằng kim loại trị giá là 300.000 đồng, 01 (một) chiếc bình phun thuốc nông nghiệp bằng Inox trị giá 450.000 đồng và 12 con gà 12 Kg trị giá là 1.560.000 đồng, tổng trị giá tài sản là 2.310.000 đồng.

Bản cáo trạng số: 42/CT-VKSQH ngày 26/5/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An, truy tố bị cáo Trương Văn V về tội “Cướp tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 133 Bộ luật hình sự 1999.

Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Hợp giữ quyền công tố tại phiên tòa luận tội và tranh luận, giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm d khoản 2 điều 133; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47 Bộ luật hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo Trương Văn V từ 04 năm đến 04 năm 06 tháng tù.

Buộc bị cáo chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật và không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về phần dân sự: Bị cáo và gia đình đã tự nguyện bồi thường số tiền 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) cho anh Đặng Thanh T, anh T không có yêu cầu gì thêm về phần dân sự nên đề nghị không xem xét.

Về vật chứng: Đã được xử lý tại Bản án số 68/2015/HSST ngày 28/10/2015 của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An.

Tại phần tranh luận bị cáo không có ý kiến tranh luận gì. Lời nói sau cùng tại phiên tòa bị cáo nhận tội và xin xem xét giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện Quỳnh Hợp, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Hợp, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Về sự vắng mặt của người bị hại tại phiên tòa: Trong quá trình điều tra người bị hại đã có lời khai đầy đủ, không có yêu cầu gì phần dân sự, nên việc vắng mặt của bị hại tại phiên tòa không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết khách quan, toàn diện vụ án, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự xét xử vắng mặt bị hại là đúng quy định.

[2] Những chứng cứ xác định có tội: Căn cứ những tài liệu, chứng cứ cơ quan điều tra Công an thu thập có tại hồ sơ vụ án như trình báo của bị hại, bản bản truy tìm vật chứng, thu giữ vật chứng, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, hỏi cung của bị cáo, lời khai của bị hại tại, phù hợp với lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa, cũng như những tài liệu, chứng cứ khác thu thập trong hồ sơ, đủ căn cứ xác định:

Khoảng 22 giờ, ngày 27/9/2012 tại nhà anh Đặng Thanh T ở xóm X, xã H, huyện Q, tỉnh Nghệ An. Bị cáo Trương Văn V cùng với Trương Hồng T1, Bùi Văn P, Trương Văn D, Trương Văn S và Trương Văn N đã sử dụng đất, đá, gây gộc tấn công anh T nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản, sau khi làm cho anh T hoảng sợ bỏ chạy khỏi nhà, bị cáo và các đối tượng đã chiếm đoạt 01 (một) chiếc cày, 01 (một) bình phun thuốc và 12 (mười hai) con gà có tổng trị giá là 2.310.000 đồng (hai triệu ba trăm mười nghìn đồng). Trương Hồng T1, Bùi Văn P, Trương Văn D, Trương Văn S và Trương Văn N đã bị xét xử tại bản án trước đó, bị cáo Trương Văn V bị bắt theo lệnh truy nã.

Hành vi của bị cáo và các đối tượng sử dụng đất, đá, gây gộc tấn công bị hại vào thời gian đêm khuya, tại khu vực hẻo lánh ít dân cư, làm cho bị hại sợ hãi bỏ chạy khỏi nhà nhằm chiếm đoạt tài sản đã cấu thành tội “Cướp tài sản” và phải chịu thêm tình tiết định khung “Sử dụng vũ khí, phương tiện hoặc thủ đoạn nguy hiểm khác”, tội phạm và mức hình phạt được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 133 Bộ luật hình sự 1999, theo như truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Hợp là có căn cứ, đúng pháp luật, đúng người và đúng tội.

[3] Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Hành vi của bị cáo là rất nguy hiểm, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của bị hại. Vụ án xảy ra làm ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự, an ninh

xã hội tại địa phương, gây ra tâm lý lo lắng, hoang mang trong quần chúng nhân dân. Bản thân bị cáo khi thực hiện tội phạm là người có đầy đủ năng lực hành vi, trách nhiệm hình sự và nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, nhưng vẫn cố ý thực hiện, nên cần lên cho bị cáo mức án nghiêm khắc, tương xứng với mức độ, hành vi, vai trò của bị cáo, nhằm cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, để bị cáo có thời gian sửa chữa lỗi lầm, cải tạo, giáo dục trở thành người công dân tốt, sống có ích cho xã hội và răn đe giáo dục phòng ngừa chung.

Các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã bồi thường khắc phục hậu quả cho bị hại, quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị hại có đơn xin xem xét giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo, đó là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự 1999. Bản thân bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, nên cần xem xét áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự 1999 xét xử bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt quy định, qua đó thể hiện sự khoan hồng, tính nhân văn của pháp luật Nhà nước ta, cho bị cáo một cơ hội nhằm cải tạo, giáo dục, sửa chữa lỗi lầm của bản thân để trở thành người công dân tốt, sống có ích cho xã hội.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo Trương Văn V thực hiện vào ngày 27/9/2012, bị cơ quan Công an huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An khởi tố vào ngày 13/5/2015, sau khi bị cáo bỏ trốn cơ quan Công an đã tạm đình chỉ điều tra vụ án, tạm đình chỉ điều tra bị can và ra Quyết định truy nã đối với bị cáo, nên sau khi bị bắt và vụ án được tiếp tục giải quyết cần phải áp dụng các quy định tương ứng của bộ luật Hình sự năm 1999 đang có hiệu lực khi bị cáo thực hiện hành vi phạm tội để truy tố, xét xử đối với bị cáo. Đối với tội danh “Cướp tài sản” được quy định tại Bộ luật Hình sự năm 1999 và năm 2015 được giữ nguyên không thay đổi, không có quy định khác có lợi cho bị cáo, nên cần áp dụng Bộ luật hình sự năm 1999 để xét xử đối với bị cáo.

Đối với Trương Hồng T1, Trương Văn D, Trương Văn S và Trương Văn N bị xét xử tại Bản án số 68/2015/HSST ngày 28/10/2015 của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Hợp; Bùi Văn P sau khi ra đầu thú đã bị xét xử tại Bản án số 24/2016/HSST ngày 19/4/2016 của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Hợp.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 133 Bộ luật hình sự 1999, bị cáo có thể bị xem xét áp dụng thêm hình phạt bổ sung. Tuy nhiên theo tài liệu, chứng cứ thu thập có trong hồ sơ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy, gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, bị cáo là lao động tự do, không có thu nhập ổn định, đang bị tạm giam, không có tài sản riêng để đảm bảo thi hành án, nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về vật chứng: Đã được giải quyết tại Bản án số 68/2015/HSST ngày 28/10/2015 của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An, nên Hội đồng xét xử không xem xét lại.

[7] Về phần dân sự: Bị cáo đã tự nguyện bồi thường xong cho bị hại, bị hại không có yêu cầu gì thêm về phần dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét thêm.

[8] Về án phí: Buộc bị cáo chịu án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Trương Văn V phạm tội “Cướp tài sản”.

Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 133; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47 Bộ luật hình sự 1999.

Xử phạt bị cáo Trương Văn V **03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam 24/02/2022.

2. Án phí: Căn cứ vào Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Trương Văn V chịu án phí Hình sự sơ thẩm **200.000 đồng** (Hai trăm nghìn đồng).

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, vắng mặt bị hại. Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nghệ An;
- Sở tư pháp tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- VKSND huyện Quỳnh hợp;
- Cơ quan điều tra CA huyện Quỳnh hợp;
- THADS huyện Quỳnh Hợp;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Nghệ An;
- UBND xã V, huyện Q, tỉnh Nghệ An;
- Bị cáo;
- NCQLNVLQ;
- lưu HS, VP;

**TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hà Văn Đông